TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PRÔNG
TỈNH GIA LAI
Bản án số: 06/2019/HSST
Ngày: 03/4/2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG, TỈNH GIA LAI
***Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa ông: **Ngô Trung Thực.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông: **Đặng Hồng Việt,**
Nghề nghiệp: Hưu trí.
2.Ông: **Trương Công Chự,**
Nghề nghiệp: Giáo viên đã nghỉ hưu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa ông: Hà Đức Quang – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chư Prông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông tham gia phiên tòa ông: Lê Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03tháng 4 năm 2019. Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Prông xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 03/2019/HSST ngày 01 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Nông Văn S, sinh ngày 23 tháng 10 năm 1978 tại: K, T, C. Nơi đăng ký HKTT: Thôn N, K, T, C; chỗ ở hiện nay: Làng T, xã G, huyện CPr, tỉnh G.

Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Làm nông, dân tộc: Nùng; Con ông: Nông Văn S (Đã chết) và bà: Nông Thị S. Bị cáo có vợ là Phùng Thị M (Đã ly hôn) và có 01 con;

-Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

-Bắt tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 29/8/2018. Bị cáo tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo S có ông Thiều Hữu M – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh G. Có mặt.

Người bị hại: Cháu Triệu Thị T, sinh ngày 22 tháng 4 năm 2004,

Trú tại: Thôn Đ, xã G, huyện CPr, tỉnh G, có mặt;

Người đại diện H pháp của người bị hại Triệu Thị T bà Đàm Thị V, sinh năm 1976 (Là mẹ của bị hại), trú tại: Thôn Đ, xã G, huyện CPr, tỉnh G. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích H pháp cho người bị hại: Bà Nguyễn Hoàng Kim L– Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh G. Có mặt.

Những người làm chứng:

+ Nông Văn N, sinh năm 2001.
Trú tại: Làng T, xã G, huyện CPr, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
Đại diện H pháp của anh N là bà Phùng Thị M.
Trú tại: Thôn T, xã G, huyện CPr, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
+ Nông Văn H.
Trú tại: Làng T, xã G, huyện CPr, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin vắng mặt.
Người phiên dịch tiếng nùng: Bà Bế T. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện CPr truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Nông Văn S là cha ruột của Nông Văn N. Vào khoảng tháng 11 năm 2016, Nông Văn N có quan hệ yêu nhau với Triệu Thị T, sau đó N về nhà T ở rể và đã nhiều lần quan hệ tình dục với T. Đến khoảng tháng 6 năm 2017, Nông Văn S thường xuyên đến nhà T để làm rẫy giúp nhà T, sau đó Nông Văn S đã thực hiện hành vi quan hệ tình dục với Triệu Thị T tại thôn Đồng Tâm và khu vực suối Đ, xã G, huyện CPr, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào một buổi chiều khoảng tháng 6 năm 2017 (không nhớ rõ ngày), Nông Văn S đi bộ từ chòi rẫy nhà ông Nông Văn H, thuộc địa phận thôn Đ, xã G, huyện CPr đến nhà Triệu Thị T chơi và ăn cơm tại đây. Sau khi ăn cơm xong đến khoảng 21 giờ cùng ngày, S rủ T đi về chòi rẫy nhà ông H, thì T đồng ý. Sau khi đến chòi rẫy nhà ông H thì S nói với T "Trời tối rồi về khó lắm, thôi ngủ lại đây đi" thì T đồng ý. Sau đó S nảy sinh ý định muốn quan hệ tình dục với T nên S nói với T "Tối nay làm tí nhé", N là quan hệ tình dục thì T không nói gì. Sau đó S dùng tay cởi quần của T ra khỏi chân, lúc này T không phản ứng gì, S tiếp tục cởi quần sọc của S ra và nằm đè lên người T. Khi dương vật của S cương cứng, S dùng tay đưa dương vật vào âm hộ của T và nhấp lên nhấp xuống khoảng 02 phút thì S xuất tinh vào trong âm hộ của T, sau khi quan hệ tình dục xong S mặc quần áo cho T và lên giường ngủ còn T nằm dưới nền nhà ngủ đến sáng hôm sau.

Lần thứ hai: Sau vụ thứ nhất khoảng 5 ngày, vào một buổi sáng tháng 6 năm 2017, S đến nhà T rủ T đi lấy chuối tiêu thì T đồng ý. Sau đó S và T đi đến khu vực suối Đ, thuộc địa phận xã G, huyện CPr thì S nảy sinh ý muốn quan hệ tình dục với T. Lúc này S nói với T "Cho làm tí" thì T không nói gì, S lấy lá chuối to trải xuống đất và nói T nằm xuống, S dùng tay cởi quần của T ra và nằm đè lên người T, S dùng tay cầm dương vật đưa sâu vào trong âm hộ của T và nhấp lên xuống khoảng 02 phút thì xuất tinh vào âm hộ của T, sau đó S mặc quần cho T và tiếp tục đi lấy chuối đem về nhà T.

Lần thứ ba: Cách lần thứ hai khoảng 5 ngày vào buổi tối cuối tháng 6 năm 2017, S rủ T đi chém cá thì T đồng ý. S mang theo đèn pin và dao rồi cùng T đi đến khu vực suối T thuộc thôn Đ, xã G cách nhà T khoảng 500m. Khi đến nơi thì S nảy sinh ý định muốn quan hệ tình dục với T nên S nói "Cho làm tí" thì T không phản ứng gì. Sau đó S dùng lá chuối trải xuống đất và bảo T nằm xuống, sau đó S quan hệ tình dục với T như những lần trước.

Lần thứ tư: Vào buổi sáng một ngày trong tháng 7/2017 (không nhớ rõ ngày), S rủ T đi lấy măng le, T đồng ý. Sau đó S và T đi đến khu vực suối Trong thuộc thôn Đ, xã G thì S nói "Cho làm tí", T không nói gì. S cởi quần của T và S ra và quan hệ tình

dục với T nhưng không xuất tinh. Sau khi quan hệ tình dục xong thì S và T tiếp tục đi lấy măng le.

Lần thứ năm: Vào một buổi tối tháng 7 năm 2017 (không rõ ngày), sau khi ăn cơm tại nhà T xong thì S rủ T đi đến chòi rẫy nhà ông Nông Văn H để ngủ, T đồng ý. Khi đến nơi, S nói với T "Cho làm tí" thì T không phản ứng gì. S bảo T nằm xuống và S dùng tay cởi quần của T ra, khi dương vật cương cứng S quan hệ tình dục với T như những lần trước.

Ngày 29/8/2018, bà Đàm Thị V là mẹ của Triệu Thị T biết được sự việc nên đã làm đơn trình báo gửi đến Công an xã G, huyện Chư Prông. Cùng ngày, Nông Văn S đã đến UBND xã G, huyện Chư Prông đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về tình dục số 173/TD-TTPY ngày 07/9/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Gia Lai kết luận về thương tích của Triệu Thị T như sau: Toàn thân không dấu vết thương tích; màng trinh rách cũ vị trí 15h, 19h. Âm hộ, âm đạo không rỉ máu. Kết quả siêu âm phụ khoa ngày 30/8/2018: Ít dịch lòng tử cung + dịch túi cùng/Nang buồng trứng trái. Trong tử cung không thấy túi thai. Kết quả xét nghiệm HCG ngày 30/8/2018: Dương tính. Kết quả xét nghiệm tinh dịch đồ ngày 30/8/2018: Không tinh trùng. Kết quả xét nghiệm sinh hóa máu ngày 30/8/2018: HCG5 4838.41 mIU/mL. Căn cứ Thông tư 20/2014/TT-BYT không có mục hướng dẫn xếp loại tỉ lệ thương tật tổn hại sức khỏe về xâm hại tình dục.

Quá trình điều tra không xác định được độ tuổi của bị hại Triệu Thị T vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CPr đã có Quyết định trưng cầu giám định số 104 ngày 08/11/2018 về độ tuổi đến Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đ.

Tại Kết luận giám định về độ tuổi số 877 ngày 20/11/2018 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đ xác định độ tuổi của Triệu Thị T là từ 14 năm 03 tháng đến 14 năm 09 tháng tại thời điểm giám định (tháng 11 năm 2018). Như vậy, tính đến thời điểm T bị xâm hại tình dục thì T có độ tuổi từ 12 tuổi 10 tháng đến 13 tuổi 04 tháng. Theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội thì xác định độ tuổi thời điểm T bị xâm hại tình dục là 13 tuổi 04 tháng.

Về phần dân sự: Gia đình bị hại Triệu Thị T yêu cầu Nông Văn S phải bồi thường tiền tổn thất về tinh thần với số tiền là 10.000.000 đồng. Hiện, Nông Văn S chưa bồi thường dân sự cho bị hại.

Đối với hành vi của Nông Văn N trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2016 đến tháng 8 năm 2018 N đã nhiều lần quan hệ tình dục với Triệu Thị T. Tuy nhiên, tại thời điểm N quan hệ tình dục lần đầu tiên với T (tháng 12 năm 2016) thì N mới chỉ 13 tuổi 01 tháng, tính đến thời điểm phạm tội gần nhất (tháng 8 năm 2018) thì độ tuổi của N là 14 tuổi 09 tháng. Như vậy, Nông Văn N chưa đủ tuổi chịu TNHS. Cơ quan điều tra sẽ áp dụng biện pháp đưa N vào trường giáo dưỡng theo quy định.

Tại bản cáo trạng số: 03/CT-VKS ngày 29 tháng 01 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông đã truy tố bị cáo Nông Văn S về tội: "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi". Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Văn S phạm tội: "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi".

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015; Xử phạt bị cáo: Nông Văn S từ 05 năm tù đến 06 năm tù giam.

Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại Triệu Thị T một khoản tổn thất về tinh thần là 10 triệu đồng.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo ông Thiều Hữu M có ý kiến: Ông nhất trí về phần tội danh, các điều luật mà đại diện Viện kiểm sát buộc tội đối với bị cáo; ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần vì bị cáo là người dân tộc tiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn nên hạn chế về nhận thức pháp luật. Ông đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo không quá 4 năm tù.

Người bảo vệ quyền lợi ích H pháp cho người bị hại bà Nguyễn Hoàng Kim L có ý kiến: Bà nhất trí về phần tội danh, các điều luật mà đại diện Viện kiểm sát buộc tội đối với bị cáo; Bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại là cháu Triệu Thị T một khoản tổn thất về tinh thần mà đại diện H pháp của người bị hại và người bị hại yêu cầu là 10 triệu đồng như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chư Prông, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và người đại diện H pháp của người bị hại, người bào chữa cho bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích H pháp của người bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều H pháp.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù H với các tài liệu chứng cứ và lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Có căn cứ xác định:

Bị cáo S là người đã thành niên, có nhận thức pháp luật nhất định, bị cáo biết việc giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì ham muốn dục vọng của bản thân, bị cáo không kiềm chế bản thân nên đã có hành vi giao cấu với cháu T, hơn nữa bị cáo biết rõ con trai mình là Nông Văn N có quan hệ

yêu nhau với Triệu Thị T, nhưng bị cáo bất chấp luân thường đạo lý và cố ý giao cấu với cháu T. Hành vi của bị cáo đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm của tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi ". Trong khoảng thời gian ngắn bị cáo đã nhiều lần (năm lần) thực hiện hành vi giao cấu với cháu T. Đây là tình tiết tăng nặng định khung được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự 2015. Vì vậy Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo điểm a khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật. Việc làm của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người người bị hại, làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về thể chất, tâm sinh lý của nạn nhân, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy cần phải có biện pháp giáo dục đối với bị cáo, cũng như phòng ngừa chung.

Tuy nhiên quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt. Khi biết sự việc bị bại lộ thì bị cáo đã đến Công an xã G để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, vì vậy khi xem xét quyết định hình phạt cần áp dụng cho bị cáo.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; Căn cứ yêu cầu của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương, cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo rèn luyện, cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Đối với hành vi của Nông Văn N trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2016 đến tháng 8 năm 2018 N đã nhiều lần quan hệ tình dục với Triệu Thị T. Tuy nhiên, tại thời điểm N quan hệ tình dục lần đầu tiên với T (tháng 12 năm 2016) thì N mới chỉ 13 tuổi 01 tháng, tính đến thời điểm phạm tội gần nhất (tháng 8 năm 2018) thì độ tuổi của N là 14 tuổi 09 tháng. Như vậy, Nông Văn N chưa đủ tuổi chịu TNHS. Cơ quan điều tra sẽ áp dụng biện pháp đưa N vào trường giáo dưỡng theo quy định.

Về dân sự:

Tại phiên tòa người bị hại là Triệu Thị T và đại diện H pháp của bị hại là bà Đàm Thị V yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền là 10.000.000 đồng để bù đắp một khoản tổn thất về tinh thần. Xét yêu cầu của cháu T bà V là có căn cứ và phù H với quy định tại Điều 592 của Bộ luật dân sự. Vì vậy căn cứ Điều 592 BLDS chấp nhận toàn bộ yêu cầu của cháu T và bà V; buộc bị cáo S phải bồi thường cho người bị hại Triệu Thị T một khoản bù đắp tổn thất về tinh thần là 10.000.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo Nông Văn S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Nông Văn S** phạm tội : "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi ".

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: **Nông Văn S 05 năm 06 tháng tù** (Năm năm sáu tháng). Thời hạn tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 29/8/2018.

Về dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự 2015; Điều 592 Bộ luật dân sự 2015, tuyên xử: Buộc bị cáo Nông Văn S phải bồi thường cho người bị hại là cháu Triệu Thị T một khoản bù đắp tổn thất về tinh thần là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong. Hàng tháng người phải thi hành án dân sự mà chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm; Án phí dân sự bị cáo phải nộp 500.000 đồng. Tổng cộng hai khoản án phí là 700.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (03/4/2019) bị cáo, người bị hại, người đại diện H pháp của người bị hại, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi ích H pháp cho người bị hại có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường H bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán
(Đã ký)
Ngô Trung Thực

Nơi nhận :
-TAND tỉnh Gia Lai,
-VKSND huyện, tỉnh,
-Công an huyện,
-Chi cục THADS huyện,
-Thi hành án HS,
-Bị cáo, bị hại,
-Người đại diện HP của bị hại,
-Người bào chữa;
-Người bảo vệ QL cho bị hại,
-Lưu HSVA.